TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh, ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T T C sinh năm: ..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh T V L, sinh năm: 1...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị T T C trình bày:

Chị C và anh L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009, nhưng đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/01/2014, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chung thủy dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2022, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị C không còn tình cảm với anh L nữa. Chị Chỉnh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị C và anh L có 02 con chung, tên là T T H, sinh ngày .. và T D L, sinh ngày ... Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu L sẽ do anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị C không có đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh L đi làm ăn, vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại đối với bố đẻ của anh L, xác minh đối với trưởng bản A, xã B xác định: Chị C và anh L sau khi chung sống cùng nhau cũng không có mâu thuẫn gì, đến năm 2022 thì vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau. Gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả, hai vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh L đã biết chị C đề nghị ly hôn, nhưng do bận làm ăn nên anh không về. Anh L nhất trí ly hôn, về con chung sẽ do mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu. Ngoài ra anh L không có ý kiến gì, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu H và cháu L: Nguyện vọng của cháu H là muốn ở với mẹ, của cháu L là muốn ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ thoe quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị T T C, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị T T C được ly hôn với anh T V L. Về con chung: giao cháu T T H sinh ngày .. cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T D L sinh ngày .. cho anh T V L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T T C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh T V L. Chị C và anh L đều cư trú tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh L có đăng ký kết hôn vào ngày .., tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị C và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị nghi ngờ nhau ngoại tình không quan tâm đến nhau, hay cãi chửi nhau, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, hai anh chị đã ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, giữa anh chị không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, giải quyết cho chị T T C được ly hôn với anh T V L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh L có 02 con chung dưới 18 tuổi, phát triển bình thường, tên là T T Hsinh ngày .. và T D L sinh ngày ... Hiện tại hai anh chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xem xét nguyện vọng của hai anh chị và nguyện vọng của con chung, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của các cháu. Hội đồng xét xử, xét thấy cần giao cháu T T H cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T D L cho anh T V L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, hai anh chị không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự thao quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T T C được ly hôn với anh T V L.

Về con chung: Giao cháu T T H sinh ngày .. cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T D L sinh ngày .. cho anh T V L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, hai anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C và anh L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá